

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	01-35
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	01-02
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	03-04
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	05-06
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	07-35

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

MẪU SỐ B 01-DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2019	01/01/2019
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		246.049.796.669	239.064.561.194
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	842.143.187	8.953.336.873
1. Tiền	111		842.143.187	8.953.336.873
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	69.446.998.674	35.557.642.100
1. Chứng khoán kinh doanh	121		74.846.200.643	47.864.249.391
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(5.399.201.969)	(12.306.607.291)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		171.569.507.376	190.610.504.011
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	166.931.207.803	150.007.537.791
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.086.484.418	4.832.346.342
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	31.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	21.981.521.217	28.358.826.993
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(22.429.706.062)	(23.588.207.115)
IV. Hàng tồn kho	140	10	3.575.490.350	3.575.490.350
1. Hàng tồn kho	141		3.575.490.350	3.575.490.350
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		615.657.082	367.587.860
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14	206.809.406	36.224.517
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		381.818.052	331.363.343
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	27.029.624	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		466.968.731.937	454.088.284.822
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		220.000.000	220.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	220.000.000	220.000.000
II. Tài sản cố định	220		8.032.135.516	10.017.954.614
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	7.957.135.572	9.933.579.667
- Nguyên giá	222		34.506.710.791	38.842.034.791
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.549.575.219)	(28.908.455.124)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	74.999.944	84.374.947
- Nguyên giá	228		342.500.000	342.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(267.500.056)	(258.125.053)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.703.190.910	2.360.144.546
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	4.703.190.910	2.360.144.546
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	453.986.076.215	441.349.647.755
1. Đầu tư vào công ty con	251		355.436.076.215	222.616.076.215
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		60.550.000.000	60.550.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		38.000.000.000	158.183.571.540
VI. Tài sản dài hạn khác	260		27.329.296	140.537.907
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	27.329.296	140.537.907
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		713.018.528.606	693.152.846.016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2019 VND	01/01/2019 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		211.403.599.279	205.196.304.569
I. Nợ ngắn hạn	310		211.346.784.279	204.344.489.569
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	175.729.614.153	96.236.350.821
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		482.625.013	492.625.013
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	899.088.693	3.612.950.196
4. Phải trả người lao động	314		219.999.999	595.399.328
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	396.450.626	7.171.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	31.228.340.955	99.409.928.371
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	1.592.000.000	3.188.000.000
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		798.664.840	802.064.840
II. Nợ dài hạn	330		56.815.000	851.815.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	18	56.815.000	56.815.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	-	795.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		501.614.929.327	487.956.541.447
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	501.614.929.327	487.956.541.447
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		428.292.770.000	407.907.140.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		428.292.770.000	407.907.140.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		982.166.000	982.166.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.192.087.059	8.192.087.059
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		64.147.906.268	70.875.148.388
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		50.489.518.388	53.429.270.306
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13.658.387.880	17.445.878.082
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		713.018.528.606	693.152.846.016

(Handwritten signature)

Nguyễn Nho Hiền
Người lập

Phan Dương Mạnh
Kế toán trưởng



(Handwritten signature)
Nguyễn Văn Phúc
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III - Năm 2019		Quý III-Năm 2018		Lũy kế hết Quý III- Năm 2019		Lũy kế hết Quý III- Năm 2018	
			VND	VND	VND	VND	VND	VND		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	129.892.370.678	73.339.576.546	254.103.752.410	120.883.394.037				
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-				
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		129.892.370.678	73.339.576.546	254.103.752.410	120.883.394.037				
4. Giá vốn hàng bán	11	23	122.190.617.141	67.015.115.673	236.159.239.472	107.651.677.192				
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		7.701.753.537	6.324.460.873	17.944.512.938	13.231.716.845				
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	1.613.387	4.065.406.194	5.898.925.513	30.693.908.675				
7. Chi phí tài chính	22	25	1.672.100.859	2.007.255.154	3.194.481.356	11.724.734.160				
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.270.864.138	2.404.016.199	2.270.864.138	9.646.216.450				
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	1.276.518.503	1.968.102.595	2.776.309.028	11.023.960.311				
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-(21-22)-(25+26))	30		4.754.747.562	6.414.509.318	17.872.648.067	21.176.931.049				
11. Thu nhập khác	31	27	1.740.460.955	1.327.678.756	3.284.682.353	2.510.371.215				
12. Chi phí khác	32	28	1.787.947.306	1.637.429.953	3.240.958.382	2.913.121.319				
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(47.486.351)	(309.751.197)	43.723.971	(402.750.104)				
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		4.707.261.211	6.104.758.121	17.916.372.038	20.774.180.945				
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	950.949.513	1.220.951.624	3.609.984.158	4.154.836.189				

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019

17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 60
(60=50-51-52)

16.619.344.756

14.306.387.880

4.883.806.497

3.756.311.698

Nguyễn Nho Hiến
Người lập

Phan Dương Mạnh
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Phúc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	09 tháng đầu năm	09 tháng đầu năm
			2019	2018
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		17.916.372.038	20.774.180.945
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		1.985.819.098	2.290.172.110
- Các khoản dự phòng	03		(8.065.906.375)	5.809.072.265
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.803.285.261)	(26.582.643.631)
- Chi phí lãi vay	06		2.270.864.138	9.646.216.450
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		8.303.863.638	11.936.998.139
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(17.760.697.756)	(37.473.204.157)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	9.218.182
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		10.075.559.665	25.924.807.840
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(57.376.278)	392.824.884
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(26.981.951.252)	45.696.842.678
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.881.584.512)	(156.486.338)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.121.128.739)	(10.577.966.293)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.400.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(34.426.715.234)	35.753.034.935
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.343.046.364)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		177.272.727	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(48.231.879.840)
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(171.003.571.540)	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		189.367.143.080	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.508.723.645	19.016.442.009
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		28.706.521.548	(29.215.437.831)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	09 tháng đầu năm	09 tháng đầu năm
			2019	2018
			VND	VND
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.391.000.000)	(2.391.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(2.391.000.000)	(2.391.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(8.111.193.686)	4.146.597.104
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		8.953.336.873	9.194.884.940
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	<u>842.143.187</u>	<u>13.341.482.044</u>

(Handwritten signature)

(Handwritten signature)



(Handwritten signature)

Nguyễn Nho Hiền
Người lập

Phan Dương Mạnh
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Phúc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần SCI (tiền thân là Công ty Cổ phần Sông Đà 909) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101405355 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười lăm ngày 09 tháng 08 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 428.292.770.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 09 năm 2019 là 428.292.770.000 đồng; tương đương 42.829.277 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Thi công xây lắp và cung cấp các dịch vụ cho thuê máy móc xây dựng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- (1) Đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện, quản lý vận hành nhà máy thủy điện, bán điện;
- (2) Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- (3) Xây dựng các công trình dân dụng khác: Thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, xây dựng thủy điện, các công trình thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình thoát nước, gia công lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Xí nghiệp 1 - Công ty Cổ phần Sông Đà 909	Lai Châu	Hoạt động xây lắp

2 . KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến 30/06/2018 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thoả thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thoả thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

- | | | |
|-----------------------------------|---------|-----|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 40 | năm |
| - Máy móc, thiết bị | 03 - 10 | năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 04 - 10 | năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 10 | năm |

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Phần mềm máy tính

Nguyên giá TSCĐ của các chương trình phần mềm được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng và dựa trên thời gian sử dụng hữu ích.

Bảng sáng chế và thương hiệu

Bảng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng; chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

Trái phiếu phát hành

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân (x) với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mỗi quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/09/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Tiền mặt	428.252.243	1.917.854.171
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	413.890.944	7.035.482.702
	<u><u>842.143.187</u></u>	<u><u>8.953.336.873</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/09/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư dài hạn	38.000.000.000	38.000.000.000	158.183.571.540	158.183.571.540
Trái phiếu (*)	38.000.000.000	38.000.000.000	158.183.571.540	158.183.571.540
	38.000.000.000	38.000.000.000	158.183.571.540	158.183.571.540

(*) Khoản đầu tư trái phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch và Môi trường ECO&MORE, số lượng 38 trái phiếu, mệnh giá trái phiếu là 1.000.000.000 VND/trái phiếu, kỳ hạn trái phiếu 3 năm, lãi trái phiếu thanh toán 2 năm 1 lần.

b) Chứng khoán kinh doanh

	30/09/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tổng giá trị cổ phiếu	74.846.200.643	71.375.708.107	47.864.249.391	35.557.642.100
GEX	61.345.979.067	62.108.338.500	38.346.878.822	30.013.250.000
SDA	7.410.000.000	2.599.998.000	7.410.000.000	4.419.996.600
VTX	1.475.610.000	2.557.724.000	1.475.610.000	1.072.276.600
VGC	3.980.151.000	4.064.387.000	-	-
Cổ phiếu khác	634.460.576	45.260.607	631.760.569	52.118.900
	74.846.200.643	71.375.708.107	47.864.249.391	35.557.642.100
				(12.306.607.291)

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/09/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Đầu tư vào công ty con	355.436.076.215	355.436.076.215	-	222.616.076.215
Công ty Cổ phần SCI E&C	71.366.250.000	71.366.250.000	-	71.366.250.000
Công ty TNHH SCI Nghệ An	118.749.826.215	118.749.826.215	-	118.749.826.215
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	6.500.000.000	6.500.000.000	-	6.500.000.000
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	157.550.000.000	157.550.000.000	-	26.000.000.000
Công ty Cổ phần SCI Điện Biên	1.270.000.000	1.270.000.000	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác	60.550.000.000	60.550.000.000	-	60.550.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà	550.000.000	550.000.000	-	550.000.000
Công ty Cổ phần Hạ tầng và Phát triển Đô thị Fecon	30.000.000.000	30.000.000.000	-	30.000.000.000
Quỹ đầu tư, khám phá giá trị Ngân hàng Công thương Việt Nam (*)	30.000.000.000	30.000.000.000	-	30.000.000.000
	415.986.076.215	415.986.076.215	-	283.166.076.215

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/09/2019 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần SCI E&C	Hà Nội	60,50%	60,50%	Chế tạo, lắp đặt cơ khí, xây dựng công trình và hạ tầng
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Nghệ An	51,00%	51,00%	Xây dựng thủy điện
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Hà Nội	65,00%	96,00%	Tư vấn thiết kế
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Lai Châu	99,98%	99,98%	Xây dựng thủy điện
Công ty Cổ phần SCI Điện Biên	Điện Biên	99,94%	99,94%	Xây dựng thủy điện

Đầu tư vào đơn vị khác

Thông tin chi tiết về các công ty đầu tư khác của Công ty vào ngày 30/09/2019 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Hạ tầng và Phát triển Đô thị Fecon	Hà Nội	14,29%	14,29%	Phát triển dự án, thi công thủy điện
Quý đầu tư, khám phá giá trị Ngân hàng Công thương Việt Nam (*)	Hà Nội	30,00%	30,00%	Đầu tư tài chính

(*) Theo biên bản thỏa thuận góp vốn ngày 03/09/2015 về việc thành lập Quỹ đầu tư, khám phá giá trị ngân hàng Công thương Việt Nam giữa các bên là Công ty Cổ phần SCI, Công ty Cổ phần Chứng khoán IB, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện và Công ty Cổ phần FTG Việt Nam như sau:

- Thời gian hoạt động của quỹ: 05 năm;
- Tổng vốn góp: 100 tỷ đồng;
- Vốn góp cam kết của SCI: 30 tỷ
- Lĩnh vực đầu tư: Cổ phiếu niêm yết, các cổ phiếu chưa niêm yết, các doanh nghiệp IPO, các doanh nghiệp thoái vốn Nhà nước, trở thành cổ đông lớn trong các doanh nghiệp đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/09/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty cổ phần SCI E&C	4.799.264.374	17.387.318.817
Liên danh CMC/ITD/Sông Đà	124.950.812.729	96.936.151.346
Ban điều hành dự án thủy điện Sơn La	16.845.809.348	16.845.809.348
Ban điều hành Dự án Thủy điện Lai Châu	4.858.120.349	4.639.786.809
Các khoản phải thu khách hàng khác	15.477.201.003	14.198.471.471
	166.931.207.803	150.007.537.791

8 . PHẢI THU KHÁC

	30/09/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn khác				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	-	-	6.882.711.111	-
Phải thu về kinh phí công đoàn	6.451.250	-	6.451.250	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	5.192.525	-	-	-
Tạm ứng	4.190.197.285	-	4.105.110.240	-
Ký cược, ký quỹ	16.000.000	-	16.000.000	-
Thuế nhà thầu Công trình NamThaun Lào	-	-	1.651.087.692	-
Phải thu khác	17.763.680.157	(4.556.156.954)	15.697.466.700	(4.556.156.954)
	21.981.521.217	(4.556.156.954)	28.358.826.993	(4.556.156.954)
b) Phải thu dài hạn khác				
Ký cược, ký quỹ	220.000.000	-	220.000.000	-
	220.000.000	-	220.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

9 . NỢ XẤU

	30/09/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu	Giá gốc	Giá trị có thể
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
<i>Ban điều hành Dự án thủy điện Sơn La</i>	16.024.045.596	3.381.152.533	16.024.045.596	3.381.152.533
<i>Đối tượng khác</i>	15.385.866.329	5.599.053.330	15.385.866.329	4.440.552.277
	31.409.911.925	8.980.205.863	31.409.911.925	7.821.704.810

10 . HÀNG TỒN KHO

	30/09/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	444.394.650	-	444.394.650	-
Chi phí sản xuất kinh	3.131.095.700	-	3.131.095.700	-
	3.575.490.350	-	3.575.490.350	-

11 . Xây dựng cơ bản dở dang

	30/09/2019	01/01/2019
	VND	VND
Dự án Thủy điện Mường Luân, Điện Biên	4.703.190.910	2.360.144.546
Dự án điện gió Quảng Trị	2.521.372.728	2.360.144.546
	2.181.818.182	-
	4.703.190.910	2.360.144.546

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2019	19.963.241.095	18.781.616.423	97.177.273	38.842.034.791
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.335.324.000)	-	(4.335.324.000)
Tại ngày 30/09/2019	19.963.241.095	14.446.292.423	97.177.273	34.506.710.791
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2019	14.283.134.890	14.528.142.961	97.177.273	28.908.455.124
Trích khấu hao	1.150.821.684	825.622.411	-	1.976.444.095
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.335.324.000)	-	(4.335.324.000)
Tại ngày 30/09/2019	15.433.956.574	11.018.441.372	97.177.273	26.549.575.219
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2019	5.680.106.205	4.253.473.462	-	9.933.579.667
Tại ngày 30/09/2019	4.529.284.521	3.427.851.051	-	7.957.135.572

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 16.637.280.700 đồng.

13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Nhãn hiệu, thương hiệu	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2019	250.000.000	92.500.000	342.500.000
Tại ngày 30/09/2019	250.000.000	92.500.000	342.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2019	165.625.053	92.500.000	258.125.053
Trích khấu hao	9.375.003	-	9.375.003
Tại ngày 30/09/2019	175.000.056	92.500.000	267.500.056
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2019	84.374.947	-	84.374.947
Tại ngày 30/09/2019	74.999.944	-	74.999.944

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,
phường Mỹ Tri, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/09/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	206.809.406	36.224.517
	206.809.406	36.224.517
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn	-	36.837.169
Công cụ dụng cụ xuất dùng	21.773.750	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	5.555.546	103.700.738
	27.329.296	140.537.907

15 . PHẢI NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/09/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần SCI E&C	156.067.331.649	156.067.331.649	78.771.973.362	78.771.973.362
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và Thương mại Thành Vinh	1.799.977.367	1.799.977.367	2.012.608.872	2.012.608.872
Công ty Cổ phần Tư Vấn SCI	2.577.351.000	2.577.351.000	-	-
Các khoản phải trả khác	15.284.954.137	15.284.954.137	15.451.768.587	15.451.768.587
	175.729.614.153	175.729.614.153	96.236.350.821	96.236.350.821

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp đầu kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	230.562.666	54.892.442	241.024.779	-	44.430.329	-	-	-	44.430.329
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	3.365.802.945	3.609.984.158	6.121.128.739	-	854.658.364	-	-	-	854.658.364
Thuế Thu nhập cá nhân	-	16.584.585	118.291.283	161.905.492	27.029.624	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-	-	-	-	-
	-	3.612.950.196	3.786.167.883	6.527.059.010	27.029.624	899.088.693				

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>30/09/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	396.450.626	7.171.000
	<u>396.450.626</u>	<u>7.171.000</u>

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>30/09/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
a) Phải trả ngắn hạn khác		
Kinh phí công đoàn	189.423.200	216.076.140
Bảo hiểm xã hội	-	8.373.745
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	2.528.395.406	3.492.319.120
Công ty Cổ phần chứng khoán SSI	24.227.144.736	-
Thù lao Hội đồng quản trị và BKS	161.171.808	202.474.788
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	92.610.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.122.205.805	2.880.684.578
	<u>31.228.340.955</u>	<u>99.409.928.371</u>
b) Phải trả dài hạn khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	56.815.000	56.815.000
	<u>56.815.000</u>	<u>56.815.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

19 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2019		Trong kỳ		30/09/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	3.188.000.000	3.188.000.000	795.000.000	2.391.000.000	1.592.000.000	1.592.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	3.188.000.000	3.188.000.000	795.000.000	2.391.000.000	1.592.000.000	1.592.000.000
	3.188.000.000	3.188.000.000	795.000.000	2.391.000.000	1.592.000.000	1.592.000.000
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	795.000.000	795.000.000	-	795.000.000	-	-
	795.000.000	795.000.000	-	795.000.000	-	-
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	795.000.000	-	-	-
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	795.000.000	795.000.000	(795.000.000)	795.000.000	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

STT	Ngân hàng/Hợp đồng vay	Hạn mức	Mục đích vay	Thời hạn vay	Lãi suất vay	Dư nợ tại ngày 30/09/2019	Phương thức đảm bảo tiền vay
1	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Anh - Hợp đồng tín dụng số 16008/TH/HĐTD.DAH ngày 19/02/2016	12.750.000.000	Bù đắp tiền mua máy móc thiết bị, phương tiện vận tải đã đầu tư.	Thời hạn cho vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Áp dụng lãi suất cố định 9%/năm và lãi suất thả nổi tùy theo thời điểm nhận nợ	1.592.000.000	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Năm 2018									
Tại ngày 01/01/2018	388.491.390.000	982.166.000	8.192.087.059	73.058.020.306	470.723.663.365				
Tăng vốn trong năm trước	19.415.750.000	-	-	(19.415.750.000)	-				
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	17.940.878.082	17.940.878.082				
Tạm ứng tiền thù lao BKS	-	-	-	(708.000.000)	(708.000.000)				
Tại ngày 31/12/2018	407.907.140.000	982.166.000	8.192.087.059	70.875.148.388	487.956.541.447				
Tại ngày 01/01/2019									
Tăng vốn trong năm nay	20.385.630.000	-	-	(20.385.630.000)	-				
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	-	14.306.387.880	14.306.387.880				
Tạm ứng tiền thù lao BKS và HĐQT	-	-	-	(648.000.000)	(648.000.000)				
Tại ngày 30/09/2019	428.292.770.000	982.166.000	8.192.087.059	64.147.906.268	501.614.929.327				

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 14/2019/NQ-SCI-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2019, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau: Trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 5%; Trả thù lao HĐQT không chuyên trách là 708.000.000 đồng.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/09/2019		01/01/2019		Tỷ lệ (%)
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)	
Vốn góp của các cổ đông	428.292.770.000	100,00%	407.907.140.000	100,00%	
	428.292.770.000	100%	407.907.140.000	100%	

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	9 tháng năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	428.292.770.000	407.907.140.000
- Vốn góp đầu kỳ	407.907.140.000	388.491.390.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	20.385.630.000	19.415.750.000
- Vốn góp cuối kỳ	428.292.770.000	407.907.140.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(20.385.630.000)	-
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	(20.385.630.000)	-

d) Cổ phiếu

	30/09/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	42.829.277	40.790.714
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	42.829.277	40.790.714
- Cổ phiếu phổ thông	42.829.277	40.790.714
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	42.829.277	40.790.714
- Cổ phiếu phổ thông	42.829.277	40.790.714
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/09/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	8.192.087.059	8.192.087.059
	8.192.087.059	8.192.087.059

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Ngoại tệ các loại**

	30/09/2019	01/01/2019
Đồng đô la Mỹ (USD)	100,62	100,46

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	09 tháng đầu năm 2019	09 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.850.412.727	5.578.837.533
Doanh thu hợp đồng xây dựng	250.253.339.683	115.304.556.504
- Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ	250.253.339.683	115.304.556.504
	254.103.752.410	120.883.394.037

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	09 tháng đầu năm 2019	09 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.695.394.060	1.906.958.246
Giá vốn hoạt động xây dựng	234.463.845.412	105.744.718.946
	236.159.239.472	107.651.677.192

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	09 tháng đầu năm 2019	09 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	5.626.012.534	12.083.442.009
Lãi bán các khoản đầu tư	3.080.321	17.619.201.622
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	330.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	269.832.658	661.265.044
	5.898.925.513	30.693.908.675

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	09 tháng đầu năm 2019	09 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.270.864.138	9.646.216.450
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	7.619.764.814	1.059.690.221
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	211.257.726	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(6.907.405.322)	381.045.100
Chi phí tài chính khác	-	637.782.389
	3.194.481.356	11.724.734.160

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	09 tháng đầu năm 2019	09 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	398.232.036	512.378.050
Chi phí nhân công	1.843.337.363	2.267.087.510
Chi phí khấu hao tài sản cố định	161.331.441	591.493.926
Thuế, phí, lệ phí	46.445.267	130.684.109
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(1.158.501.053)	5.428.027.165
Chi phí dịch vụ mua ngoài	557.930.029	871.395.555
Chi phí khác bằng tiền	927.533.945	1.222.893.996
	2.776.309.028	11.023.960.311

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***27 . THU NHẬP KHÁC**

	09 tháng đầu năm 2019	09 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	177.272.727	-
Thu nhập khác	3.107.409.626	2.510.371.215
	<u>3.284.682.353</u>	<u>2.510.371.215</u>

28 . CHI PHÍ KHÁC

	09 tháng đầu năm 2019	09 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Chi phí khấu hao không được tính là chi phí hợp lý, hợp lệ	129.093.597	-
Các khoản bị phạt	4.455.156	-
Chi phí khác	3.107.409.629	2.913.121.319
	<u>3.240.958.382</u>	<u>2.913.121.319</u>

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	09 tháng đầu năm 2019	09 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.916.372.038	20.774.180.945
Các khoản điều chỉnh tăng	133.548.753	-
- Chi phí không hợp lệ	133.548.753	-
Thu nhập tính thuế TNDN	18.049.920.791	20.774.180.945
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>3.609.984.158</u>	<u>4.154.836.189</u>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	3.365.802.945	12.485.499.840
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(6.121.128.739)	(10.577.966.293)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	<u>854.658.364</u>	<u>6.062.369.736</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	9 tháng năm 2019	9 tháng năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	398.232.036	1.665.544.683
Chi phí nhân công	1.843.337.363	3.156.549.998
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.985.819.098	4.346.397.562
Thuế, phí, lệ phí	46.445.267	-
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(1.158.501.053)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	236.717.169.501	148.367.367.592
Chi phí khác bằng tiền	927.533.945	2.144.975.243
	240.760.036.157	159.680.835.078

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/09/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	842.143.187	-	8.953.336.873	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	189.132.729.020	(22.429.706.062)	178.586.364.784	(23.588.207.115)
Các khoản cho vay	-	-	31.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	74.846.200.643	(5.399.201.969)	47.864.249.391	(12.306.607.291)
Đầu tư dài hạn	98.550.000.000	-	218.733.571.540	-
	363.371.072.850	(27.828.908.031)	485.137.522.588	(35.894.814.406)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/09/2019	01/01/2019
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	1.592.000.000	3.983.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	207.014.770.108	195.703.094.192
Chi phí phải trả	396.450.626	7.171.000
	209.003.220.734	199.693.265.192

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/09/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	842.143.187	-	-	842.143.187
Phải thu khách hàng, phải thu khác	166.483.022.958	220.000.000	-	166.703.022.958
Đầu tư ngắn hạn	69.446.998.674	-	-	69.446.998.674
Đầu tư dài hạn	-	98.550.000.000	-	98.550.000.000
	236.772.164.819	98.770.000.000	-	335.542.164.819
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.953.336.873	-	-	8.953.336.873
Phải thu khách hàng, phải thu khác	154.778.157.669	220.000.000	-	154.998.157.669
Các khoản cho vay	31.000.000.000	-	-	31.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	35.557.642.100	-	-	35.557.642.100
Đầu tư dài hạn	-	218.733.571.540	-	218.733.571.540
	230.289.136.642	218.953.571.540	-	449.242.708.182
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/09/2019				
Vay và nợ	1.592.000.000	-	-	1.592.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	206.957.955.108	56.815.000	-	207.014.770.108
Chi phí phải trả	396.450.626	-	-	396.450.626
	208.946.405.734	56.815.000	-	209.003.220.734
Tại ngày 01/01/2019				
Vay và nợ	3.188.000.000	795.000.000	-	3.983.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	195.646.279.192	56.815.000	-	195.703.094.192
Chi phí phải trả	7.171.000	-	-	7.171.000
	198.841.450.192	851.815.000	-	199.693.265.192

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

33 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp, chiếm trên 90% tổng doanh thu hoạt động. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Theo khu vực địa lý

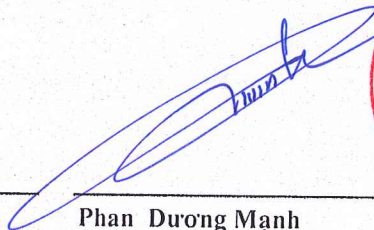
	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ	7.294.279.106	246.809.473.304	254.103.752.410
Tài sản bộ phận	713.018.528.606	-	713.018.528.606

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam kiểm toán.



Nguyễn Nho Hiền
Người lập



Phan Dương Mạnh
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Phúc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2019